

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 055/2025/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 94/TTr-STP ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành ở tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026; bãi

bỏ Quyết định số 33/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy chế phối hợp trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa
và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 055/2025/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành ở tỉnh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; phân định rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp trong từng hoạt động cụ thể.

2. Chủ động, kịp thời, đúng trình tự, thủ tục và yêu cầu quản lý nhà nước;

bảo đảm chất lượng, hiệu quả công việc.

3. Bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo, trùng lặp nhiệm vụ trong quá trình phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

4. Bảo đảm thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

Điều 4. Nội dung phối hợp

Việc phối hợp trong thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản bao gồm các nội dung chính sau:

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã trong thực hiện công tác tự kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền.

3. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát; rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn.

4. Giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập, công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực định kỳ hằng năm; xây dựng và làm đầu mối tổ chức thực hiện kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật định kỳ 05 năm một lần.

5. Thực hiện chế độ báo cáo đột xuất, báo cáo định kỳ hằng năm về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 5. Hình thức phối hợp

1. Gửi văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành để thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu hoặc trả lời bằng văn bản theo lĩnh vực chuyên môn khi được yêu cầu.

3. Cử thành viên tham gia phối hợp kiểm tra; rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hoặc theo đề nghị của cơ quan chủ trì.

4. Tổ chức họp hoặc trao đổi trực tiếp, họp trực tuyến khi cần thiết để thống

nhất nội dung phối hợp.

5. Trao đổi, phối hợp qua môi trường điện tử; tham gia tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ theo yêu cầu của cơ quan chủ trì.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 6. Gửi văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện kiểm tra

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi ban hành đến Sở Tư pháp hoặc cơ quan được phân công kiểm tra văn bản để thực hiện việc tự kiểm tra.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã theo Kế hoạch kiểm tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc theo chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành đến Sở Tư pháp để thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.

Điều 7. Trách nhiệm phối hợp trong thực hiện tự kiểm tra văn bản

1. Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành

a) Sở Tư pháp chủ trì giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện tự kiểm tra văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi được phân công. Các sở, ban, ngành kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và phối hợp với Sở Tư pháp hoặc cơ quan được phân công thực hiện việc tự kiểm tra văn bản.

b) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan, đơn vị thực hiện tự kiểm tra văn bản. Cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì kiểm tra văn bản phối hợp với cơ quan, đơn vị đã tham mưu ban hành văn bản thực hiện tự kiểm tra văn bản theo quy định tại điểm c khoản này.

c) Việc tự kiểm tra văn bản phải được thực hiện trong thời hạn 10 ngày; trường hợp văn bản được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn được thực hiện trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản được ký ban hành hoặc thông qua.

d) Trình tự, thủ tục tự kiểm tra văn bản thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Kết quả tự kiểm tra văn bản phải được báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị được phân công kiểm tra.

Trường hợp phát hiện văn bản trái pháp luật, lập hồ sơ kiểm tra theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật khi nhận được phản ánh, kiến nghị

a) Các Sở, ban, ngành ở tỉnh đã chủ trì tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tự kiểm tra văn bản khi nhận được phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật; hướng dẫn cơ quan, tổ chức, công dân phản ánh, kiến nghị đến cơ quan đã ban hành văn bản hoặc cơ quan có thẩm quyền kiểm tra văn bản trong trường hợp không phải là cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

b) Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khi nhận được phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã phân công phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật khi nhận được phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật.

3. Tự kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

a) Cơ quan, đơn vị nhận được kiến nghị, phản ánh về văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật còn hiệu lực nhưng không được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện ngay việc tự kiểm tra văn bản nếu văn bản có kiến nghị do chính cơ quan, thủ trưởng cơ quan mình ban hành hoặc tham mưu ban hành; thông báo kết quả cho cơ quan, tổ chức, công dân đã kiến nghị, phản ánh.

Trường hợp văn bản không thuộc thẩm quyền hoặc đã tự kiểm tra, xử lý nhưng cơ quan, tổ chức, công dân đã kiến nghị không nhất trí, thì hướng dẫn cơ quan, tổ chức, công dân phản ánh, kiến nghị đến cơ quan đã ban hành văn bản hoặc cơ quan cấp trên.

b) Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiến hành tự kiểm tra văn bản còn hiệu lực nhưng có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật không ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục; hoặc văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

Việc tự kiểm tra được tiến hành ngay khi nhận được yêu cầu, chỉ đạo và báo cáo kết quả kịp thời cho cơ quan, người đã yêu cầu hoặc chỉ đạo.

4. Kiểm tra văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực

a) Các sở, ban, ngành chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực quản lý của cơ quan, đơn vị mình khi nhận được yêu cầu kiểm tra văn bản của bộ, ngành ở Trung ương.

b) Sở Tư pháp phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực khi nhận được yêu cầu.

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan, đơn vị thực hiện tự kiểm tra văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực.

Điều 8. Trách nhiệm phối hợp trong thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền

1. Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

a) Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

Việc kiểm tra văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện văn bản trái pháp luật, Sở Tư pháp lập hồ sơ kiểm tra văn bản theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Các sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra văn bản thuộc phạm vi quản lý của mình khi nhận được yêu cầu.

c) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp văn bản, thông tin, tài liệu cần thiết; giải trình về nội dung văn bản theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

2. Kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật

a) Việc kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thuộc thẩm quyền kiểm tra; khi có kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật hoặc theo yêu cầu, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền.

b) Sở Tư pháp chủ trì thực hiện kiểm tra văn bản có dấu hiệu chứa quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đối với văn bản quy phạm pháp

luật do chính quyền địa phương cấp xã ban hành.

c) Các cơ quan, đơn vị cấp xã có văn bản được kiểm tra cung cấp văn bản, thông tin, tài liệu cần thiết; giải trình về nội dung văn bản theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

d) Các sở, ban, ngành có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra văn bản chứa quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản pháp luật của cấp xã khi có yêu cầu.

3. Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật

a) Khi phát hiện văn bản trái pháp luật, Sở Tư pháp ban hành kết luận kiểm tra theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật được gửi đến cơ quan đã ban hành văn bản để thực hiện xử lý; đồng thời được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có văn bản được kiểm tra đối với văn bản quy phạm pháp luật; gửi đến Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với văn bản có chứa quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 9. Trách nhiệm phối hợp trong xử lý văn bản trái pháp luật

1. Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện thông qua công tác tự kiểm tra

a) Khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan tự kiểm tra báo cáo ngay kết quả với cơ quan đã ban hành văn bản đó để xem xét, xử lý theo quy định; phối hợp với cơ quan đã chủ trì xây dựng văn bản thống nhất về nội dung, biện pháp xử lý, thời hạn xử lý văn bản trái pháp luật.

Cơ quan tự kiểm tra văn bản lập hồ sơ kiểm tra đối với văn bản trái pháp luật theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Cơ quan đã chủ trì soạn thảo văn bản trái pháp luật có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thực hiện việc kiểm tra văn bản đề xuất hướng xử lý, thời hạn xử lý, biện pháp khắc phục hậu quả do văn bản gây ra (nếu có).

c) Cơ quan ban hành văn bản xem xét báo cáo kết quả kiểm tra văn bản; tổ chức xử lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả tự kiểm tra, nếu văn bản trái pháp luật; xem xét, xác định và xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân trong việc tham mưu, trình, ban hành văn bản trái pháp luật theo quy định.

d) Thực hiện công bố văn bản xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Xử lý văn bản trái pháp luật khi có kết luận của bộ, ngành ở Trung ương

a) Cơ quan đã chủ trì xây dựng văn bản chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và

các cơ quan có liên quan tham mưu xử lý đối với văn bản trái pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý được giao khi nhận được kết luận kiểm tra của các bộ, ngành.

b) Trong thời hạn 25 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra, cơ quan, đơn vị đã chủ trì xây dựng văn bản trình cơ quan có thẩm quyền để xử lý và báo cáo kết quả thực hiện cho bộ, ngành đã ban hành kết luận kiểm tra. Trường hợp kiến nghị, báo cáo xem xét lại kết luận kiểm tra thì thời hạn xử lý thực hiện theo khoản 2 Điều 26 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

c) Đối với kết luận kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, trường hợp có căn cứ chứng minh văn bản không trái pháp luật, các cơ quan, đơn vị đã chủ trì xây dựng văn bản tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị về nội dung trong kết luận kiểm tra đến cơ quan, người ban hành kết luận trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra.

d) Trường hợp bộ, ngành không chấp nhận kiến nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ để xử lý theo thẩm quyền thì các cơ quan đã tham mưu ban hành văn bản phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét theo quy định.

3. Xử lý văn bản trái pháp luật của cấp xã khi có kết luận văn bản trái pháp luật của Sở Tư pháp

a) Khi nhận được Kết luận kiểm tra văn bản trái pháp luật của Sở Tư pháp, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản ở cấp xã phải thực hiện xử lý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra. Hình thức xử lý được thực hiện theo Điều 23 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Trường hợp cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật không xử lý theo quy định hoặc Sở Tư pháp không thống nhất với kết quả xử lý thì Sở Tư pháp đôn đốc cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

4. Các cơ quan, tổ chức tham mưu xử lý văn bản trái pháp luật tham mưu công bố văn bản xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Trách nhiệm phối hợp thực hiện chế độ báo cáo trong công tác kiểm tra văn bản

1. Báo cáo hằng năm

a) Sở Tư pháp chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng báo cáo hằng năm về công tác kiểm tra văn bản gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi báo cáo công tác kiểm tra văn bản về Sở Tư pháp trước ngày 15/12 hằng năm để tổng hợp, theo dõi.

2. Báo cáo thống kê

Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện báo cáo thống kê công tác kiểm tra văn bản gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại Thông tư số 17/2025/TT-BTP quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tư pháp.

Chương III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 11. Trách nhiệm phối hợp trong thực hiện rà soát văn bản khi có căn cứ rà soát

1. Trách nhiệm của cơ quan đã chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thường xuyên theo dõi tình hình triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp, và các cơ quan liên quan tiến hành rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước được giao theo quy định tại Điều 39, Điều 40, Điều 41 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

c) Thực hiện lấy ý kiến đối với kết quả rà soát theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

d) Kiến nghị xử lý đối với văn bản rà soát phát hiện trái pháp luật tại thời điểm ban hành.

e) Trường hợp có sự chuyển giao chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được chuyển giao.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Phối hợp với cơ quan chủ trì xây dựng văn bản thực hiện rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trả lời bằng văn bản khi nhận được văn bản của cơ quan rà soát đề nghị có ý kiến đối với kết quả rà soát.

3. Trách nhiệm của các cơ quan cấp xã trong rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Các cơ quan chuyên môn hoặc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan của Hội đồng nhân dân và các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cùng cấp có nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của cơ quan, tổ chức mình.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực ở địa bàn cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các công chức chuyên môn thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình thuộc lĩnh vực phụ trách của công chức chuyên môn.

c) Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Trường hợp giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính các xã thì Ủy ban nhân dân của xã mới có trách nhiệm rà soát văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính trước đó ban hành.

Điều 12. Trách nhiệm phối hợp trong rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn

1. Lập kế hoạch rà soát

a) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác hoặc công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp lập, tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát văn bản điều chỉnh những nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của mình.

Kế hoạch rà soát phải có đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Trường hợp các cơ quan thực hiện rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thì không cần lập kế hoạch.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát

a) Cơ quan chủ trì có trách nhiệm:

a.1) Tổ chức thực hiện việc thu thập, rà soát đối với các văn bản trong phạm vi kế hoạch theo văn bản là căn cứ rà soát hoặc rà soát theo tình hình phát triển

kinh tế - xã hội theo Điều 39, Điều 40 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

a.2) Xây dựng Báo cáo và các Danh mục rà soát theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

a.3) Gửi lấy ý kiến cơ quan Sở Tư pháp đối với kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan (nếu có); lấy ý kiến của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã đối với kết quả rà soát văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã. Nội dung lấy ý kiến phải thể hiện chi tiết cơ sở pháp lý kết quả rà soát đối với từng văn bản được rà soát.

a.4) Hoàn thiện hồ sơ rà soát và trình cơ quan, người có thẩm quyền cùng cấp công bố kết quả rà soát.

b) Sở Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả rà soát của các cơ quan, đơn vị khi được gửi lấy ý kiến; trong đó nêu rõ nội dung nhất trí, nội dung không nhất trí và lý do hoặc ý kiến khác đối với kết quả rà soát.

c) Cơ quan liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản đối với nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên môn theo đề nghị của cơ quan chủ trì rà soát.

Điều 13. Trách nhiệm phối hợp thực hiện Kế hoạch tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn của cơ quan Trung ương

1. Thực hiện Kế hoạch tổng rà soát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh

Sở Tư pháp có trách nhiệm làm đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện Kế hoạch rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Điều 14. Trách nhiệm phối hợp trong công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực hằng năm

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban

nhân dân cấp xã

a) Theo dõi, thống kê, lập hồ sơ công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm, văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực của kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố (nếu có). Danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực được lập theo mẫu số 01, mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

b) Gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức liên quan và hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan.

c) Trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực của năm chậm nhất là ngày 31/01 hằng năm.

2. Trách nhiệm của cơ quan liên quan

a) Theo dõi, thống kê đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực trong năm liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan mình.

b) Có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn yêu cầu thể hiện rõ nhất trí, không nhất trí đối với danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực khi được lấy ý kiến.

Điều 15. Trách nhiệm phối hợp trong xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì rà soát văn bản

a) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được rà soát cần phải xử lý theo các hình thức quy định tại Điều 38 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, các cơ quan, chủ trì rà soát báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp về kết quả rà soát văn bản; gửi Sở Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền xử lý các văn bản sau rà soát.

c) Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được rà soát hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực, cơ quan rà soát phải tổng hợp, gửi Sở Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực hằng năm.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban

nhân dân cấp xã

a) Phối hợp với cơ quan chủ trì rà soát tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện xử lý văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Tổng hợp danh mục hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực trình Ủy ban nhân dân cùng cấp công bố theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Điều 16. Trách nhiệm phối hợp trong thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Xây dựng Kế hoạch hệ thống hóa

a) Sở Tư pháp; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng và làm đầu mối tổ chức thực hiện Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cấp mình.

b) Nội dung Kế hoạch hệ thống hóa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Thực hiện Kế hoạch hệ thống hóa

a) Các sở, ban, ngành ở tỉnh, phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật cùng cấp trong lĩnh vực quản lý thuộc đối tượng hệ thống hóa; tiến hành rà soát và lập danh mục văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 51 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Kết quả hệ thống hóa của sở, ban, ngành được gửi về Sở Tư pháp; của các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được gửi về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để tổng hợp.

b) Sở Tư pháp, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa của các cơ quan, lập các Danh mục văn bản và trình Ủy ban nhân dân cùng cấp công bố kết quả hệ thống hóa theo Điều 51 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Sở Tư pháp thực hiện đăng tải Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện đăng tải Danh mục văn bản hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực của tỉnh và cấp xã trên Công báo điện tử tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm phối hợp thực hiện chế độ báo cáo trong công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Báo cáo hằng năm

a) Sở Tư pháp chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi báo cáo công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản về Sở Tư pháp trước ngày 15/12 hằng năm để tổng hợp, theo dõi. Nội dung cơ bản của Báo cáo thực hiện theo Điều 54 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

2. Báo cáo thống kê

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện báo cáo thống kê công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại Thông tư số 17/2025/TT-BTP.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện báo cáo thống kê công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã theo quy định tại Thông tư số 17/2025/TT-BTP.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành ở tỉnh

1. Các sở, ban, ngành ở tỉnh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chủ trì, phối hợp trong các lĩnh vực kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật tại Quy chế này.

2. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu, tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, thực hiện công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công.

3. Sở Tài chính

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đầy đủ kinh phí cho Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành để đảm bảo thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện có hiệu quả việc kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương và việc gửi văn bản để kiểm tra theo quy định.
2. Bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quản lý.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung chưa phù hợp với thực tiễn, các sở, ban, ngành ở tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kịp thời phản ánh, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) để được xem xét, hướng dẫn và giải quyết theo thẩm quyền.
2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận, tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, đơn vị; nghiên cứu, đề xuất phương án xử lý, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định; đồng thời hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện thống nhất theo quy định pháp luật.
3. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế này đến các phòng, ban, đơn vị trực thuộc để bảo đảm triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất và hiệu quả trên địa bàn tỉnh./.